

BỘ CÔNG AN



ĐỀ THI THAM KHẢO

BÀI THI ĐÁNH GIÁ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN (VB2CA)
(dành cho thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học trở lên)

NĂM 2025

MÃ BÀI THI CA4

BỘ CÔNG AN
MÃ ĐỀ THI CA4
ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 11 trang)

BÀI THI ĐÁNH GIÁ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN VB2CA NĂM 2025
(dành cho thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học trở lên)
Thời gian làm bài: 180 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

❖ **PHẦN I: TỰ LUẬN (30 điểm)**

Nội dung câu hỏi:

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy:

“Tư cách người công an cách mệnh là:

Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”.

(Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, H, t.5, tr. 498)

Phẩm chất đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến trong tư cách người công an cách mệnh là: “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.”. Trong khoảng 500 chữ, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính và liên hệ với việc học tập, rèn luyện của mình để trở thành người chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

❖ **PHẦN II: TRẮC NGHIỆM (70 điểm)**

Câu 1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, nhà nước được hiểu là gì?

- A. Là công cụ của giai cấp bị trị dùng để đấu tranh chống lại giai cấp thống trị.
- B. Là tổ chức bảo vệ lợi ích của tất cả các tầng lớp trong xã hội một cách tuyệt đối.
- C. Là tổ chức quyền lực công đặc biệt, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp.
- D. Là một tổ chức tự nhiên hình thành nhằm duy trì trật tự xã hội.

Câu 2. Nhận định nào sau đây thể hiện đầy đủ và chính xác nhất về bản chất của nhà nước trong xã hội có giai cấp?

- A. Nhà nước là tổ chức đại diện cho toàn thể nhân dân, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.
- B. Nhà nước là thiết chế chính trị không mang bản chất giai cấp, chỉ phục vụ nhu cầu tổ chức xã hội.
- C. Nhà nước chỉ đơn thuần là công cụ đàn áp của giai cấp thống trị đối với các giai cấp khác.
- D. Nhà nước vừa mang tính giai cấp, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, vừa mang tính xã hội nhằm quản lý các mặt đời sống chung.

Câu 3. Tính xã hội của nhà nước được hiểu là

- A. thuộc tính không có ở nhà nước tư sản.
- B. một thuộc tính khách quan, phổ biến của mọi nhà nước.
- C. một thuộc tính chỉ có ở nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- D. một thuộc tính chỉ có ở nhà nước phong kiến.

Câu 4. Trong các nhận định dưới đây về quyền lực nhà nước, nhận định nào là ĐÚNG?

- A. Quyền lực nhà nước là loại quyền lực hòa nhập vào toàn bộ xã hội.
- B. Quyền lực nhà nước tương tự như quyền lực của tổ chức thị tộc, bộ lạc.
- C. Quyền lực nhà nước được đảm bảo bằng sự tự nguyện của các thành viên trong xã hội.
- D. Quyền lực nhà nước được thực hiện bởi bộ máy chuyên trách có thẩm quyền quản lý, cưỡng chế theo pháp luật.

Câu 5. Ở Việt Nam, chủ thể nào có quyền định ra thuế?

- A. Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- B. Nhà nước.
- C. Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 6. Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin:

- A. Nhà nước hình thành do sự phân hoá xã hội thành các giai cấp khác nhau và có mâu thuẫn về lợi ích.
- B. Nhà nước do thượng đế tạo ra.
- C. Nhà nước hình thành do chiến tranh giữa các bộ lạc.
- D. Nhà nước do thế lực ngoài hành tinh sáng tạo ra.

Câu 7. Chọn đáp án ĐÚNG?

- A. Quy định pháp luật về thuế của nhà nước không có tính bắt buộc thực hiện.
- B. Chỉ có nhà nước mới có quyền quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.
- C. Các tổ chức nghề nghiệp có quyền quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.
- D. Các tổ chức chính trị - xã hội khác có quyền quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.

Câu 8. Chức năng giám sát hoạt động tư pháp ở Việt Nam thuộc thẩm quyền của

- A. Cơ quan thanh tra. B. Tòa án.
C. Viện Kiểm sát. D. Cơ quan điều tra.

Câu 9. Bộ Công an thuộc hệ thống cơ quan nào của Việt Nam?

- A. Lập pháp. B. Hành pháp. C. Tư pháp. D. Công tố.

Câu 10. Hình thức của nhà nước bao gồm:

- A. Cộng hoà đại nghị và cộng hoà tổng thống.
B. Liên bang và đơn nhất.
C. Những gì mà Nhà nước thể hiện.
D. Hình thức cấu trúc và hình thức chính thể.

Câu 11. Hình thức chính thể của nhà nước Việt Nam là

- A. Cộng hòa hỗn hợp. B. Cộng hòa tổng thống.
C. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. D. Cộng hòa đại nghị.

Câu 12. Hình thức cấu trúc của nhà nước Việt Nam là

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. B. Liên bang.
C. Đơn nhất. D. Liên minh.

Câu 13. Điểm đặc trưng cơ bản nhất của nhà nước pháp quyền là gì?

- A. Mọi hoạt động của nhà nước và công dân đều phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật.
B. Nhà nước được điều hành hoàn toàn bằng quyết định của người đứng đầu.
C. Mọi công dân đều phải phục tùng mệnh lệnh của nhà nước một cách tuyệt đối.
D. Nhà nước đặt lợi ích kinh tế lên hàng đầu trong mọi hoạt động.

Câu 14. Nhà nước pháp quyền là

- A. nhà nước hoạt động theo cảm tính và phong tục.
B. nhà nước do một cá nhân đứng đầu.
C. nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật với mục tiêu cao nhất là bảo vệ quyền con người.
D. nhà nước cai trị dựa trên truyền thống và tập quán.

Câu 15. Một đặc điểm nổi bật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. nhà nước chỉ cần tập trung vào phát triển kinh tế.
B. bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
C. xây dựng nhà nước phi chính trị, phi giai cấp.
D. quyền lực nhà nước không cần kiểm soát vì đã do nhân dân bầu ra.

Câu 16. Yếu tố nào sau đây thể hiện nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền?

- A. Hiến pháp và pháp luật chỉ là định hướng, không bắt buộc các cơ quan nhà nước tuân theo.
B. Cơ quan tư pháp có thể hoạt động độc lập với pháp luật nếu vì mục tiêu chính trị.
C. Quyền lực nhà nước chỉ cần phục tùng mệnh lệnh của cơ quan hành pháp.
D. Quyền lực nhà nước phải được thực hiện trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Câu 17. Pháp luật được hiểu là

- A. các quy tắc đạo đức được truyền miệng qua nhiều thế hệ.
- B. hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện.
- C. ý kiến cá nhân của các nhà lãnh đạo về cách quản lý xã hội.
- D. những thói quen trong đời sống xã hội được mọi người làm theo.

Câu 18. Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin thì Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp nào trong xã hội có giai cấp?

- A. Giai cấp thống trị, được nhà nước thể chế hóa thành quy tắc xử sự bắt buộc.
- B. Các tầng lớp trí thức thông qua nghị quyết cộng đồng.
- C. Tất cả các giai cấp trong xã hội một cách hoàn toàn bình đẳng.
- D. Giai cấp công nhân và nông dân là chủ yếu.

Câu 19. Bản chất xã hội của pháp luật được thể hiện ở điểm nào dưới đây?

- A. Pháp luật chủ yếu dựa trên ý kiến cá nhân của các nhà làm luật.
- B. Pháp luật là công cụ duy nhất để trừng trị người phạm tội.
- C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội và phục vụ lợi ích chung của cộng đồng.
- D. Pháp luật chủ yếu dùng để bảo vệ quyền lợi của nhà nước.

Câu 20. Quy phạm pháp luật là

- A. Những quy tắc tôn giáo.
- B. Những thói quen được hình thành từ lâu đời, được cộng đồng thừa nhận.
- C. Các chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống xã hội được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng.
- D. Những quy tắc xử sự được Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện.

Câu 21. Một đặc trưng cơ bản nhất của pháp luật là:

- A. Chỉ có giá trị đạo đức, không có tính cưỡng chế.
- B. Được hình thành chủ yếu từ tập quán và tín ngưỡng.
- C. Do nhân dân tự nguyện thực hiện nếu thấy phù hợp.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 22. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật được hiểu là

- A. pháp luật điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội.
- B. pháp luật mang tính bắt buộc chung, áp dụng đối với tất cả các chủ thể nằm trong phạm vi điều chỉnh của nó.
- C. pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện trong mọi trường hợp.
- D. các quy phạm xã hội khác đều phải thể hiện trong nội dung của pháp luật.

Câu 23. Nguồn pháp luật được sử dụng phổ biến nhất ở Việt Nam hiện nay?

- A. Án lệ.
- B. Tập quán pháp.
- C. Văn bản quy phạm pháp luật.
- D. Học thuyết pháp lý.

Câu 24. Điều kiện để bản án trở thành Án lệ ở Việt Nam

- A. Khi được luật sư viện dẫn trong các phiên tòa xét xử.
- B. Khi được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và công bố chính thức.
- C. Khi đã có từ 10 năm trở lên và chưa bị bác bỏ.
- D. Khi được đông đảo người dân thừa nhận là đúng.

Câu 25. Chọn đáp án ĐÚNG

- A. Án lệ là một nguồn pháp luật bổ trợ, giúp định hướng việc áp dụng pháp luật thống nhất trong xét xử.
- B. Án lệ bắt buộc áp dụng trong mọi loại tranh chấp dân sự.
- C. Án lệ chỉ mang tính tham khảo, không được sử dụng chính thức trong xét xử.
- D. Án lệ có giá trị pháp lý cao hơn luật do Quốc hội ban hành.

Câu 26. Tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Pháp luật có thể truyền miệng nếu phù hợp với đạo đức xã hội.
- B. Pháp luật phải phản ánh đầy đủ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.
- C. Chỉ cần người dân đồng thuận thì quy định đó trở thành pháp luật.
- D. Nội dung pháp luật phải được thể hiện bằng văn bản, có cấu trúc rõ ràng, thống nhất và được ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định.

Câu 27. Nguồn của pháp luật được hiểu là

- A. ý kiến đóng góp của người dân về các vấn đề xã hội.
- B. hình thức chứa đựng và thể hiện các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận.
- C. các nguyên tắc đạo đức được truyền miệng qua nhiều thế
- D. nơi lưu trữ tài liệu pháp luật trong các thư viện.

Câu 28. Vai trò quan trọng nhất của pháp luật trong đời sống xã hội là gì?

- A. Ghi chép các sự kiện lịch sử của đất nước.
- B. Tuyên truyền đạo đức và phong tục tập quán.
- C. Bảo vệ quyền lợi của người già và trẻ em.
- D. Duy trì trật tự, ổn định và công bằng trong xã hội.

Câu 29. Pháp luật có vai trò như thế nào đối với quyền con người trong xã hội?

- A. Là phương tiện để hạn chế mọi quyền tự do của cá nhân.
- B. Là công cụ quan trọng để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.
- C. Là công cụ để kiểm tra ý thức công dân trong thi hành nghĩa vụ.
- D. Là hình thức quy định đạo đức ứng xử trong gia đình.

Câu 30. Vai trò của pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Chỉ áp dụng trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.
- B. Chỉ dùng để giải quyết tranh chấp giữa các doanh nghiệp.
- C. Là công cụ tuyên truyền chính sách qua truyền thông.
- D. Điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 31. Quan hệ pháp luật là

- A. quan hệ giữa các cá nhân dựa trên tình cảm và đạo đức.
- B. quan hệ chỉ tồn tại trong nội bộ các cơ quan nhà nước.
- C. quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp với nhau không cần pháp luật can thiệp.
- D. quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh, trong đó các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định.

Câu 32. Nội dung của quan hệ pháp luật gồm:

- A. Chỉ gồm nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ pháp luật.
- B. Quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ pháp luật.
- C. Gồm cả quyền và nghĩa vụ mang tính xã hội khác.
- D. Chỉ gồm quyền pháp lý của các bên tham gia quan hệ pháp luật.

Câu 33. Sự kiện pháp lý là

- A. tất cả các sự kiện diễn ra trong đời sống xã hội.
- B. sự kiện thực tế diễn ra trong đời sống mà theo quy định của pháp luật có thể làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một quan hệ pháp luật.
- C. hành động trong thực tế chỉ do con người thực hiện.
- D. sự kiện sắp xảy ra trong tương lai.

Câu 34. Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan khi

- A. có đầy đủ các điều kiện: quy phạm pháp luật, chủ thể có năng lực pháp lý và sự kiện pháp lý xảy ra.
- B. có nhu cầu giao tiếp giữa các cá nhân trong xã hội.
- C. một cơ quan nhà nước ra quyết định hành chính.
- D. có người vi phạm pháp luật.

Câu 35. Quan hệ xã hội nào không phải là quan hệ pháp luật?

- A. Quan hệ tình yêu nam - nữ.
- B. Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động.
- C. Quan hệ vợ - chồng.
- D. Quan hệ cha - con.

Câu 36. Theo pháp luật Việt Nam, cá nhân có năng lực hành vi đầy đủ khi

- A. đủ 18 tuổi trở lên.
- B. đủ 21 tuổi trở lên.
- C. đủ 6 tuổi trở lên.
- D. đủ 15 tuổi trở lên.

Câu 37. Con chó của anh A cắn anh B sẽ làm:

- A. Phát sinh quan hệ pháp luật giữa anh A và anh B
- B. Cả 03 đáp án trên đều sai.
- C. Không làm phát sinh quan hệ pháp luật nào cả vì chó không phải là chủ thể của quan hệ pháp luật
- D. Phát sinh quan hệ pháp luật giữ con chó và anh B.

Câu 38. “Năng lực pháp luật” của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.
- B. Phụ thuộc vào phong tục, tập quán.
- C. Phụ thuộc vào quan điểm đạo đức.
- D. Phụ thuộc vào trình độ văn hoá.

Câu 39. Thực hiện pháp luật là gì?

- A. Là hoạt động của cơ quan nhà nước trong việc ban hành luật.
- B. Là quá trình làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, được các chủ thể pháp luật thực hiện trên thực tế.
- C. Là quá trình người dân tham gia góp ý cho dự thảo luật.
- D. Là việc ghi nhớ các quy định pháp luật trong sách giáo khoa.

Câu 40. Hành vi không vi phạm pháp luật và thể hiện sự nghiêm chỉnh làm theo pháp luật được gọi là gì?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 41. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của hình thức thi hành pháp luật?

- A. Công dân từ chối không thực hiện một hành vi bị cấm.
- B. Công dân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
- C. Tòa án xét xử một vụ án hình sự.
- D. Người dân đến tham quan các công viên công cộng.

Câu 42. Sự khác biệt cơ bản giữa tuân thủ pháp luật và thi hành pháp luật là gì?

- A. Tuân thủ diễn ra trong kinh tế, còn thi hành diễn ra trong hành chính.
- B. Tuân thủ mang tính tự giác, còn thi hành mang tính áp đặt.
- C. Tuân thủ do cơ quan nhà nước thực hiện, còn thi hành do cá nhân thực hiện.
- D. Tuân thủ là không làm điều pháp luật cấm, còn thi hành là thực hiện điều pháp luật bắt buộc.

Câu 43. Chỉ có chủ thể mang quyền lực nhà nước mới được

- A. áp dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. sử dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 44. Cơ quan điều tra ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự là hình thức?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 45. Trường hợp nào dưới đây là hành vi pháp lý?

- A. Chị M chăm sóc vườn cây.
- B. Sét đánh tử vong người đi đường.
- C. Điều tra viên hỏi cung bị can.
- D. Anh A cho cá ăn.

Câu 46. Chủ thể của một quan hệ pháp luật có thể là?

- A. Chỉ có thể là cá nhân.
- B. Động vật nuôi (chó, mèo,...)
- C. Một thực thể trí tuệ nhân tạo.
- D. Cá nhân và tổ chức.

Câu 47. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào thuộc hình thức sử dụng pháp luật?

- A. Công dân tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
- B. Người điều khiển xe mô tô không vượt đèn đỏ.
- C. Chị B đóng thuế thu nhập cá nhân
- D. Công chức thực hiện quyết định xử phạt hành chính.

Câu 48. Điểm khác biệt rõ nhất giữa sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật là gì?

- A. Sử dụng pháp luật do tổ chức thực hiện, còn áp dụng pháp luật do cá nhân thực hiện.
- B. Sử dụng pháp luật luôn mang tính bắt buộc, còn áp dụng thì không.
- C. Sử dụng pháp luật là hành vi do cá nhân thực, áp dụng pháp luật của nhà nước.
- D. Sử dụng pháp luật là quyền lựa chọn hành vi pháp lý, còn áp dụng pháp luật là quyền nhân danh nhà nước để ra quyết định pháp lý.

Câu 49. Áp dụng pháp luật là gì?

- A. Là việc ghi nhớ các quy định của pháp luật.
- B. Là hành vi không làm những điều pháp luật cấm.
- C. Là việc cá nhân tự nguyện làm theo pháp luật.
- D. Là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền nhân danh nhà nước ban hành quyết định áp dụng pháp luật để giải quyết vụ việc cụ thể.

Câu 50. Chủ thể có quyền áp dụng pháp luật là?

- A. Chỉ cơ quan công an mới được phép áp dụng pháp luật
- B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- C. Chỉ Quốc hội mới có quyền áp dụng pháp luật.
- D. Mọi công dân đều có thể tự áp dụng pháp luật theo ý mình.

Câu 51. Hành vi nào dưới đây là áp dụng pháp luật?

- A. Người dân dừng xe đúng đèn đỏ.
- B. Tòa án tuyên phạt bị cáo 05 năm tù giam.
- C. Học sinh tự giác chấp hành kỷ luật trong trường học.
- D. Công dân nộp thuế thu nhập cá nhân đúng hạn.

Câu 53. Việc áp dụng pháp luật thường xảy ra trong hoàn cảnh nào?

- A. Khi người dân tìm hiểu pháp luật qua sách báo.
- B. Khi các tổ chức tự đưa ra nội quy nội bộ.
- C. Khi cá nhân tự nguyện thực hiện quyền của mình.
- D. Khi cần giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm hoặc công nhận quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể.

Câu 52. Điểm đặc trưng nhất của áp dụng pháp luật so với các hình thức thực hiện pháp luật khác là gì?

- A. Không cần dựa vào các quy định pháp luật cụ thể.
- B. Là hành vi mang tính tự giác cao của công dân.
- C. Chỉ áp dụng cho các hành vi mang tính đạo đức.
- D. Có sự tham gia của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền nhân danh nhà nước để giải quyết vụ việc cụ thể.

Câu 54. Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định giao đất cho hộ gia đình theo đúng quy định của pháp luật là biểu hiện của hình thức?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 55. Trong các tình huống sau, tình huống nào thể hiện việc áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành chính?

- A. Công dân gửi đơn khiếu nại lên UBND xã.
- B. Chủ tịch UBND phường xử phạt một công dân vì vi phạm quy định về tiếng ồn.
- C. Người dân đăng ký khai sinh cho con tại UBND xã.
- D. Cảnh sát giao thông dẫn cụ già qua đường.

Câu 56. Một Thẩm phán của Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để ra bản án trong một vụ án dân sự. Hành vi đó thể hiện đặc điểm nào của áp dụng pháp luật?

- A. Phải dựa trên căn cứ pháp lý nhất định.
- B. Có thể linh hoạt theo tình huống thực tế mà không cần căn cứ pháp lý.
- C. Là hành vi thuộc quyền hạn cá nhân, không đại diện nhà nước.
- D. Chỉ áp dụng khi có ý kiến từ cơ quan cấp trên.

Câu 57. Việc áp dụng pháp luật được phân biệt với các hình thức thực hiện khác chủ yếu ở đặc điểm nào?

- A. Áp dụng pháp luật không cần đến các quy phạm pháp luật có sẵn.
- B. Áp dụng pháp luật không chịu sự giám sát của bất kỳ ai.
- C. Chỉ công dân mới được áp dụng pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật luôn phải có văn bản pháp luật điều chỉnh và kết quả là một quyết định pháp lý cụ thể.

Câu 58. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho người dân là thể hiện nội dung nào của áp dụng pháp luật?

- A. Thực hiện việc giám sát các hành vi của công dân.
- B. Làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý.
- C. Xác định nghĩa vụ đạo đức.
- D. Truyền đạt thông tin tuyên truyền pháp luật.

Câu 59. Một thẩm phán căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và án lệ để ra phán quyết trong một vụ tranh chấp hợp đồng dân sự. Hành vi này là:

- A. Áp dụng pháp luật với sự kết hợp giữa quy phạm pháp luật và nguồn bổ trợ để giải quyết vụ việc cụ thể.
- B. Tuân thủ pháp luật vì không làm sai quy định pháp lý.
- C. Thi hành pháp luật vì đó là nghĩa vụ nghề nghiệp.
- D. Sử dụng pháp luật vì thẩm phán chọn cách xử lý phù hợp.

Câu 60. Văn bản nào dưới đây là quyết định áp dụng pháp luật?

- A. Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật giao thông đường bộ của cảnh sát giao thông .
- B. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
- C. Biên lai tính tiền của quán cơm bình dân.
- D. Giấy vay nợ.

Câu 61. Vi phạm pháp luật là

- A. hành vi trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- B. hành vi được nhiều người phản đối trên mạng xã hội.
- C. việc làm không phù hợp với phong tục, tập quán.
- D. hành vi thiếu đạo đức trong cuộc sống.

Câu 62. Một người đủ 18 tuổi, cố ý trộm cắp tài sản trị giá 6 triệu đồng của người khác là hành vi

- A. vi phạm pháp luật dân sự.
- B. vi phạm nội quy cơ quan.
- C. vi phạm pháp luật hình sự.
- D. vi phạm chuẩn mực đạo đức.

Câu 63. Dấu hiệu không bắt buộc để xác định một hành vi là vi phạm pháp luật là

- A. do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.
- B. hành vi trái với quy định của pháp luật.
- C. gây thiệt hại về tài sản cho người khác.
- D. xâm hại đến quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Câu 64. Hành vi của một người điều khiển xe máy bị Cảnh sát giao thông xử phạt do không đội mũ bảo hiểm là

- A. vi phạm đạo đức và bị cộng đồng lên án.
- B. vi phạm hợp đồng và bị phạt bồi thường.
- C. vi phạm hình sự và bị xử lý theo Bộ luật Hình sự.
- D. vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 65. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào được coi là vi phạm pháp luật?

- A. Một người tự nguyện nhặt rác ở công viên.
- B. Một cá nhân tham gia hiến máu nhân đạo.
- C. Một người điều khiển xe máy vượt đèn đỏ.
- D. Một người đi học đúng giờ và mặc đồng phục đúng quy định

Câu 66. Nam, 17 tuổi, điều khiển xe máy không có giấy phép lái xe, vượt đèn đỏ gây tai nạn giao thông nghiêm trọng. Trường hợp này, Nam phải chịu trách nhiệm pháp lý?

- A. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý vì chưa có bằng lái.
- B. Chỉ chịu trách nhiệm dân sự vì chưa đủ 18 tuổi.
- C. Chỉ chịu xử phạt nội bộ tại trường học.
- D. Trách nhiệm hành chính hoặc hình sự tùy theo mức độ thiệt hại.

Câu 67. Công ty X xả thải ra môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước sinh hoạt của người dân. Trường hợp này, công ty X có thể bị xử lý như thế nào?

- A. Phải chịu trách nhiệm hành chính, dân sự và hình sự nếu có yếu tố cấu thành tội phạm.
- B. Chỉ bị xử phạt hành chính vì là tổ chức, không phải cá nhân.
- C. Chỉ cần bồi thường thiệt hại là đủ.
- D. Không phải chịu trách nhiệm nếu đã xin lỗi công khai.

Câu 68. Một nhân viên đánh mất tài liệu mật của cơ quan do bất cẩn. Căn cứ vào tính chất vi phạm, người này có thể phải chịu trách nhiệm gì?

- A. Chỉ chịu trách nhiệm dân sự vì làm mất tài sản.
- B. Không chịu trách nhiệm vì không cố ý.
- C. Chỉ bị nhắc nhở nội bộ, không phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. Trách nhiệm kỷ luật và tùy trường hợp có thể chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 69. Trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. Là nghĩa vụ đạo đức của mỗi người trong xã hội.
- B. Là hậu quả bất lợi mà cá nhân, tổ chức phải chịu khi vi phạm pháp luật.
- C. Là phần thưởng cho những người có hành vi tốt.
- D. Là lời xin lỗi khi gây thiệt hại cho người khác.

Câu 70. Trong các trường hợp sau, đâu là ví dụ thể hiện cá nhân phải chịu trách nhiệm pháp lý?

- A. Một người tham gia hoạt động từ thiện.
- B. Học sinh đạt điểm cao trong kỳ thi học kỳ.
- C. Người dân được cấp sổ hộ khẩu mới.
- D. Một người bị xử phạt tiền vì vượt đèn đỏ.

----- HẾT -----